TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/KDTM-PT
Ngày: 23/7/2019
V/v tranh chấp yêu cầu xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Ông Huỳnh Châu Thạch

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông Ngô Phạm Thế Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp *"Yêu cầu xuất hóa đơn giá trị gia tăng"*.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2018/KDTM-ST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2019/QĐ-PT ngày 08/7/2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL.**

Trụ sở: Số 16 TP, phường 3, thành phố ĐL.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1960; *(văn bản ủy quyền ngày 01/3/2018)*. Địa chỉ: Hẻm 11 ĐTĐ, phường 4, thành phố ĐL.

- *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần SĐ 9.06.**

Trụ sở: Tầng 7, nhà G10, số 493 NTr, phường TX, Quận TX, Thành phố HN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Ngọc A – Tổng Giám đốc.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Công ty Cổ phần SĐ 9.06.

(Bà L có mặt, Công ty Cổ phần SĐ 9.06 có đơn xin xét xử vắng mặt*)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2018 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 04/4/2008, Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL (bên A) và Công ty cổ phần SĐ 9.06 (bên B) ký hợp đồng giao nhận thầu xây lắp số 59/HĐ-DLĐL với nội dung: Công ty cổ phần SĐ 9.06 thi công gói thầu xây lắp công trình "Khách sạn Best Western ĐL Palaza" tại số 09 LĐH, Phường 3, thành phố ĐL, tổng trị giá hợp đồng là 23.912.814.000 đồng, thời gian thi công 300 ngày (kể cả ngày lễ và chủ nhật), ngày khởi công là 10/4/2008, ngày hoàn thành là 03/02/2009.

Trong quá trình thi công, do không đủ năng lực và khả năng tài chính nên Công ty cổ phần SĐ 9.06 đã thi công chậm tiến độ theo hợp đồng gần 02 năm. Ngày 13/12/2013, hai bên đã làm biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Tổng số tiền Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL đã thanh toán theo tiến độ thi công cho Công ty cổ phần SĐ 9.06 là: 15.424.685.809 đồng.

Hồ sơ quyết toán đã được hai bên xác nhận, theo Điều 5 của hợp đồng quy định: Sau 60 ngày kể từ ngày nghiệm thu bên B phải hoàn thành quyết toán và cung cấp hóa đơn giá trị gia tăng. Tuy nhiên, đến nay Công ty cổ phần SĐ 9.06 vẫn không xuất hoá đơn cho Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL để thực hiện việc quyết toán công trình.

Nay Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần SĐ 9.06 xuất hóa đơn theo số liệu quyết toán đã chi trả theo đúng quy định của pháp luật, thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL.

Theo trình bày của bị đơn thì:

Hợp đồng số 59/HĐ-DLĐL ngày 04/4/2008 giữa Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL và Công ty cổ phần SĐ 9.06 là hợp đồng trọn gói. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL đã tự ý cắt một số hạng mục công trình giao cho đơn vị khác thực hiện. Đến khi quyết toán công trình, Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL đã cắt xen khối lượng công việc, đơn giá đã thỏa thuận trong hợp đồng và không thanh toán đủ cho Công ty cổ phần SĐ 9.06.

Theo Điều 5 mục 4 của Hợp đồng số 59.HĐ-DLĐL ngày 04/4/2008 thì số tiền Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL đã tạm ứng cho Công ty cổ phần SĐ 9.06 chỉ mới được 80% giá trị khối lượng thực tế. Giá trị quyết toán theo hợp đồng là 19.208.857.261,25 đồng. Sau khi bên Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL ký hồ sơ quyết toán và trả tiền lại cho Công ty cổ phần SĐ 9.06 thì Công ty cổ phần SĐ 9.06 sẽ xuất hóa đơn theo đúng hợp đồng đã ký.

Tại Bản án kinh doanh thương mại số 05/2018/KDTM-ST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL đã xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL về việc "Yêu cầu xuất hóa đơn tài chính" đối với Công ty cổ phần SĐ 9.06.

Buộc Công ty Cổ phần SĐ 9.06 xuất hóa đơn giá trị gia tăng với số tiền 15.424.685.809 đồng cho Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với hóa đơn giá trị gia tăng này.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 12/10/2018, Công ty Cổ phần SĐ 9.06 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL.

Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn vắng mặt nhưng có Công văn số 21/2019/CV-906 ngày 27/3/2019 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa nguyên đơn và bị đơn có thiết lập hợp đồng giao nhận thầu xây lắp số 59/HĐ-DLĐL ngày 04/4/2008 để thi công xây lắp công trình "Khách sạn Best Western ĐL Plaza" tại 09 LĐH, Phường 3, thành phố ĐL. Hai bên đã lập biên bản nghiệm thu khối lượng thực tế bị đơn thi công hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng vào ngày 13/12/2013. Nguyên đơn đã thanh toán số tiền 15.424.685.809 đồng theo tiến độ và khối lượng thi công thực tế cho bị đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với số tiền đã được nguyên đơn thanh toán. Phía bị đơn không đồng ý nên dẫn đến tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Yêu cầu xuất hóa đơn giá trị gia tăng" là đúng quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì thấy rằng:

[2.1]Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn là người kháng cáo nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định chung.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn thì:

Bị đơn cho rằng tại thời điểm xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 là không đúng vì Thông tư này đã hết hiệu lực pháp luật kể từ ngày 31/3/2014 khi Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 39/2014/TT-BTC. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 32 Thông tư số

39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 quy định "...Các văn bản hướng dẫn khác về hóa đơn không trái với Thông tư này vẫn còn hiệu lực thi hành". Theo đó, nội dung hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 16 Chương III Thông tư số 39/2014/TT-BTC "*Ngày lập hóa đơn đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền"* không khác so với quy định tại khoản a mục 2 Điều 14 Thông tư số: 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính. Vì vậy, việc bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng văn bản pháp luật không có giá trị pháp lý do hết hiệu lực pháp luật là không đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần triệu tập, ra thông báo tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn đều vắng mặt. Tại Văn bản số 101/TCKT ngày 11/8/2018, bị đơn thừa nhận có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án (BL245). Do đó, việc bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập bị đơn, không thực hiện việc đối chất trực tiếp là không có căn cứ.

Theo biên bản hòa giải ngày 13/6/2018 (BL92), nguyên đơn cho rằng giá trị quyết toán công trình là 15.531.148.000 đồng. Nguyên đơn đã thanh toán theo tiến độ và khối lượng thực tế thi công cho bị đơn số tiền 15.424.685.809 đồng theo Bảng kê chi tiết các khoản đã chi (BL60). Số tiền còn lại chưa thanh toán là 106.462.191đồng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với số tiền nguyên đơn đã thanh toán là 15.424.685.809 đồng.

Tại Văn bản số 98/TCKT ngày 29/6/2018 của bị đơn Công ty cổ phần SĐ 9.06 (BL238) thì bị đơn thừa nhận có nhận số tiền 15.424.685.809 đồng do nguyên đơn đã thanh toán là dựa trên khối lượng thực tế mà bị đơn đã thi công theo hợp đồng giao nhận thầu xây lắp số 59/HĐ-DLĐL ngày 04/4/2008 để thi công xây lắp công trình "Khách sạn Best Western ĐL Plaza" tại 09 LĐH, Phường 3, thành phố ĐL. Nhưng bị đơn cho rằng đây là tiền tạm ứng và không có cơ sở để bị đơn xuất hóa đơn (BL245).

Xét thấy, theo điểm 2.10 Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính quy định "Cơ sở xây dựng có công trình xây dựng, lắp đặt mà thời gian thực hiện dài, việc thanh toán tiền thực hiện theo tiến độ hoặc theo khối lượng công việc hoàn thành bàn giao, phải lập hóa đơn thanh toán khối lượng xây lắp bàn giao. Hóa đơn GTGT phải ghi rõ doanh thu chưa có thuế và thuế GTGT...". Như vậy, việc bị đơn cho rằng không có cơ sở để xuất hóa đơn là không đúng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với số tiền đã thanh toán để trích khấu hao và khấu trừ thuế VAT đầu vào để quyết toán công trình xây dựng là có căn cứ.

Do các đương sự không tranh chấp về quá trình thực hiện hợp đồng cũng như khối lượng, chất lượng công trình mà bị đơn đã thi công, mà nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng trên số tiền đã thanh toán cho bị đơn dựa trên khối lượng bị đơn thi công thực tế theo nghiệm thu giữa hai bên;

nếu các bên có tranh chấp về quá trình thực hiện hợp đồng thì sẽ được quyền khởi kiện để xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với số tiền nguyên đơn đã thanh toán theo khối lượng thực tế mà bị đơn đã thi công là 15.424.685.809 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, đánh giá đúng tính chất của vụ án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm và hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần SĐ 9.06, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL về việc "Yêu cầu xuất hóa đơn giá trị gia tăng" đối với bị đơn Công ty cổ phần SĐ 9.06.

Buộc Công ty cổ phần SĐ 9.06 xuất hóa đơn giá trị gia tăng với số tiền 15.424.685.809 đồng cho Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định pháp luật về thuế đối với hóa đơn giá trị gia tăng phải xuất cho Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL.

2. Về án phí:

Buộc Công ty cổ phần SĐ 9.06 phải chịu số tiền 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000185 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐL. Công ty cổ phần SĐ 9.06 còn phải nộp 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần dịch vụ DL ĐL số tiền 2.700.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0007947 ngày 16/4/2018 và 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007919 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh LĐ;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND Tp. ĐL;
- Chi cục THADS Tp. ĐL;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hữu Nhân

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh LĐ;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND Tp. ĐL;
- Chi cục THADS Tp. ĐL;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hữu Nhân